CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 2

Ngày 30/09/2025	7,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.0%	-	-

DT thuần
Q3/25
0.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.14| -48.7%
YoY: ▼0.02| -10.1%

LN thuần
Q3/25
-0.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.54| 79.4%
YoY: ▲ 0.10| 41.5%

LN sau thuế
Q3/25
-0.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50| 73.1%
YoY: ▲ 0.07| 26.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-127%
YoY: +/-▲ 114%

ROE (TTM)
Q3/25
-91.2%
YoY: +/-▼ 6.5%

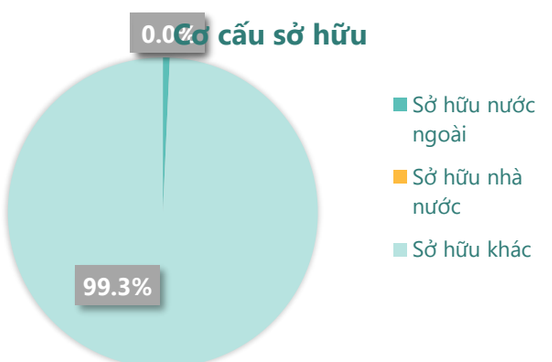
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,800 - 10,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15
Số lượng CPLH (CP)	2,098,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)	210
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.01
EPS	-785
P/E	-9.0

DT thuần
9T 2025
0.43
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.14| -25.8%

LN thuần
9T 2025
-1.19
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.24| -25.4%

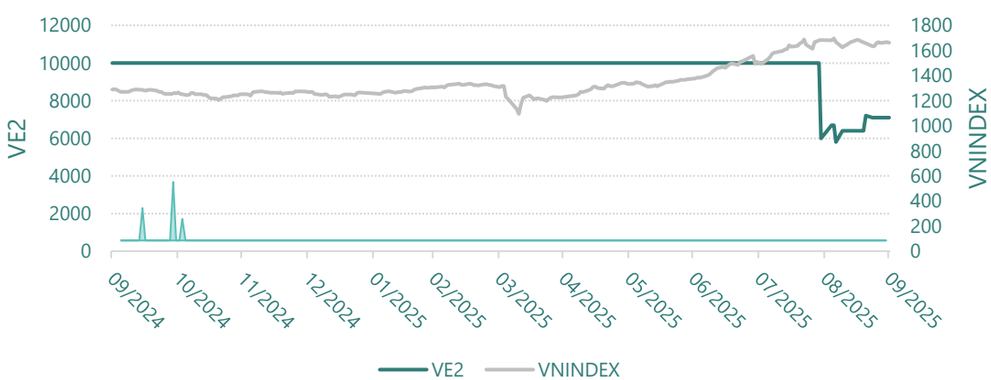
LN sau thuế
9T 2025
-1.23
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.28| -28.9%

Cơ cấu sở hữu

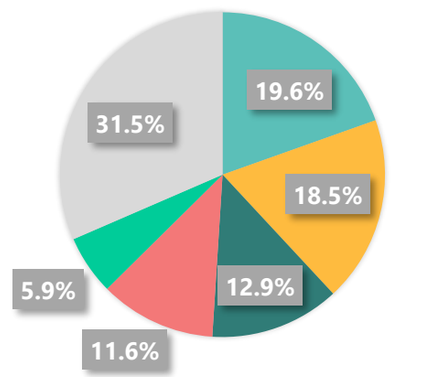


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

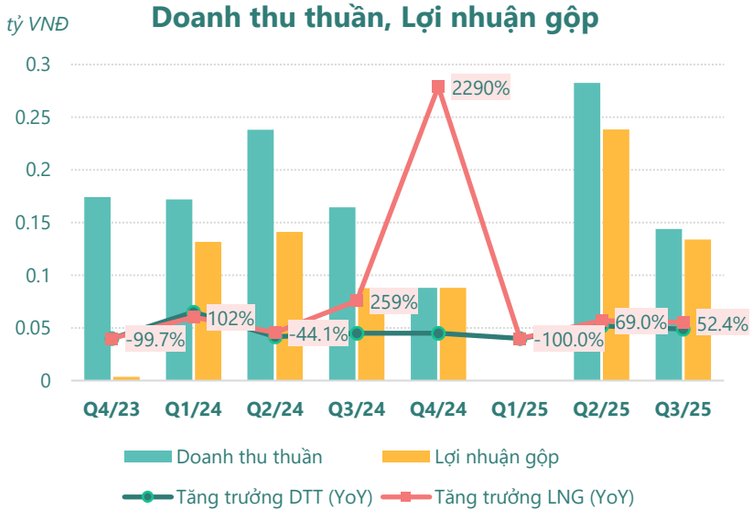


- Phan Thúy Phương (Thành viên HĐQT)
- Chung Việt Hà (Trưởng ban kiểm soát)
- Khuất Văn Đăng
- Lê Minh Đức (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Đậu Thảo
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

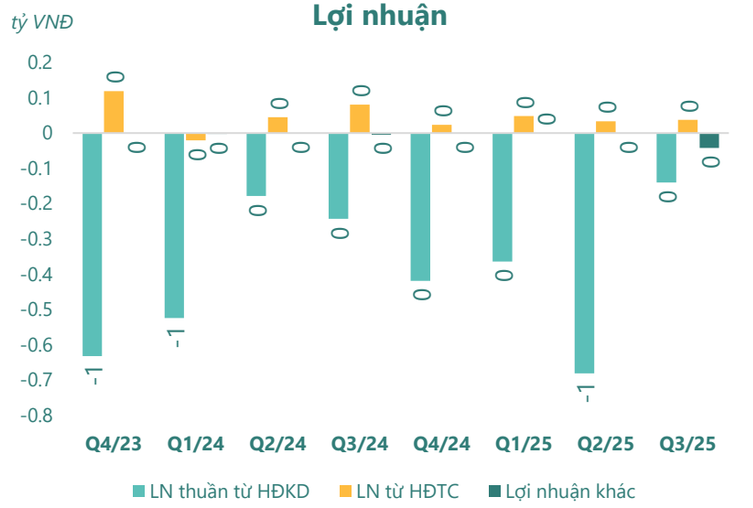
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



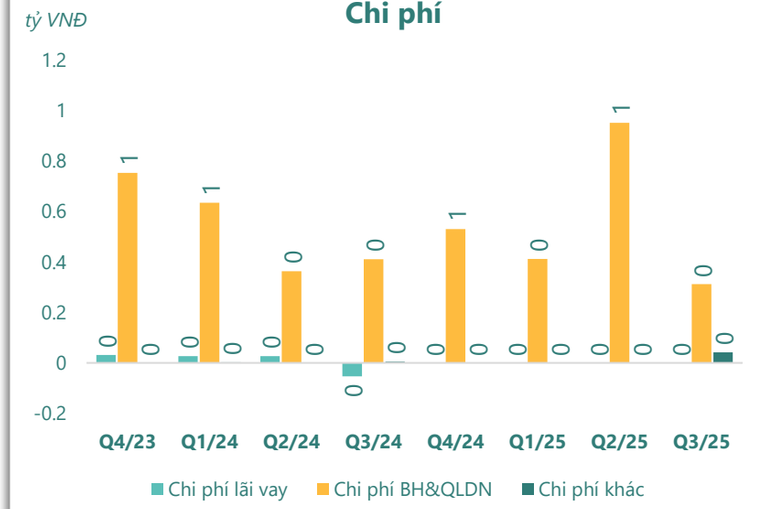
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



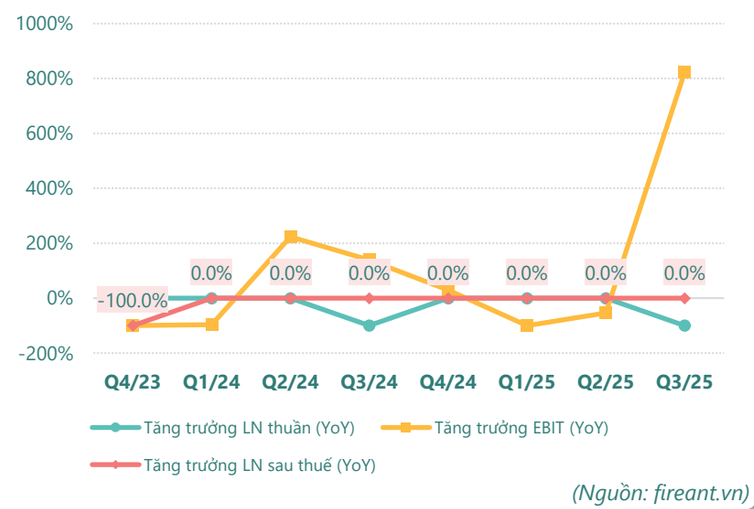
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



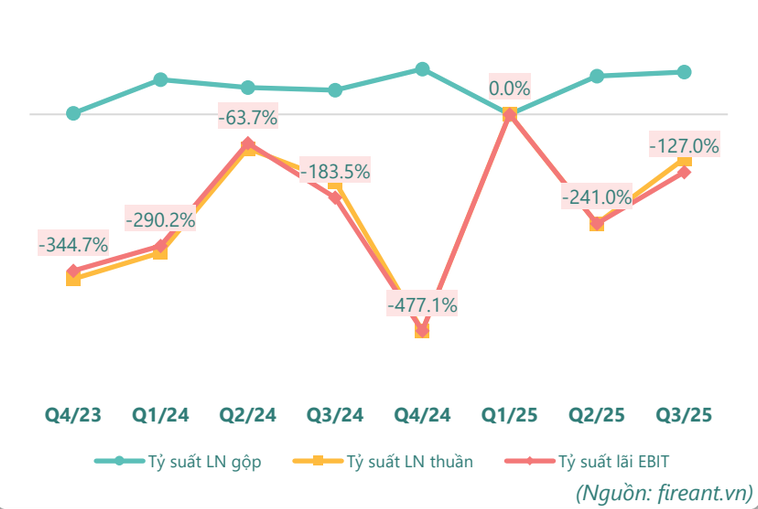
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



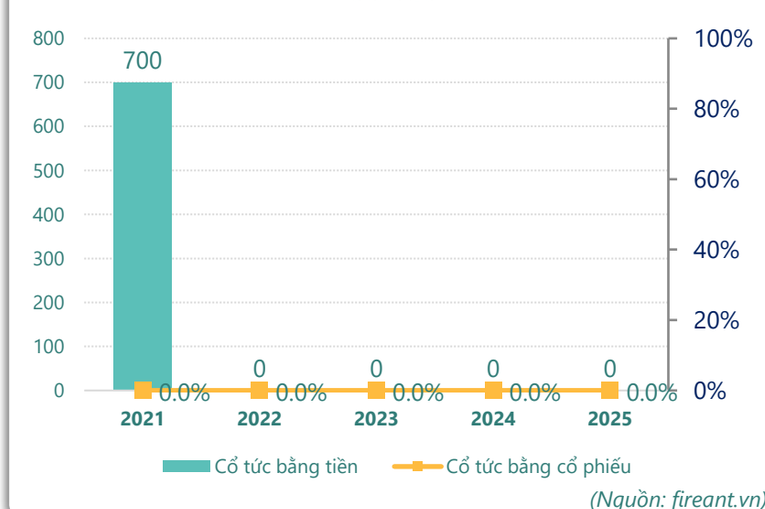
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

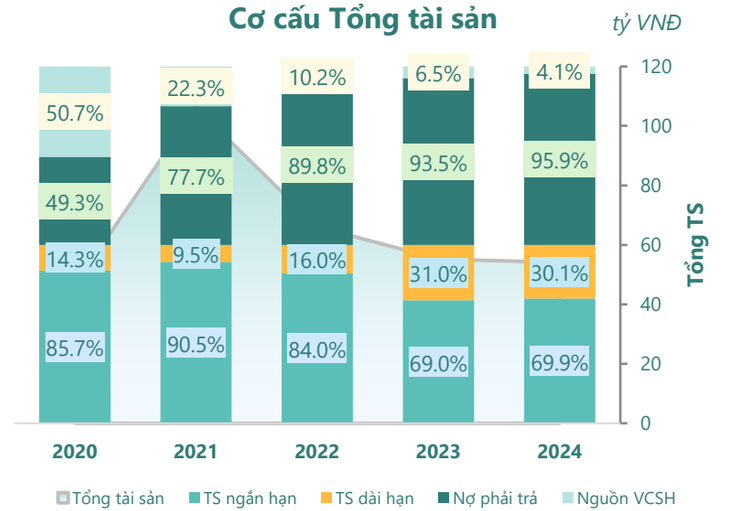
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

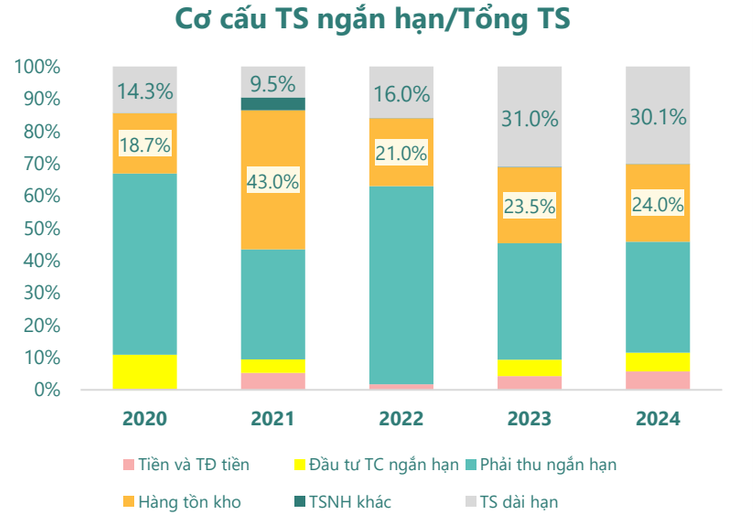
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



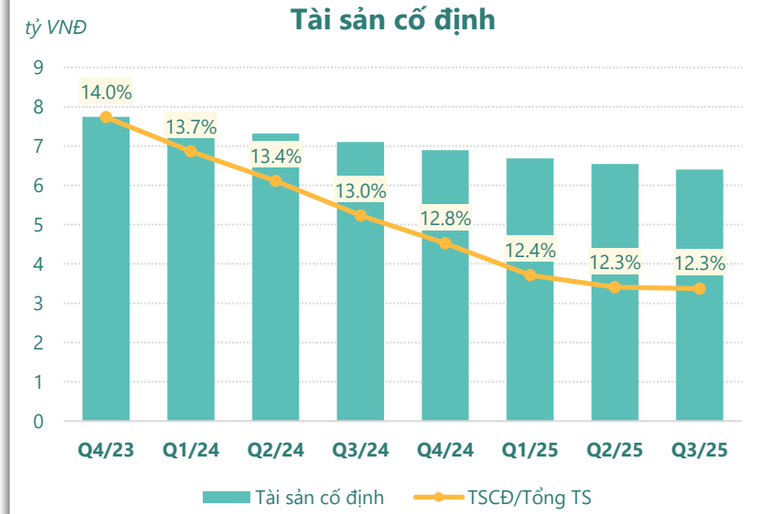
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



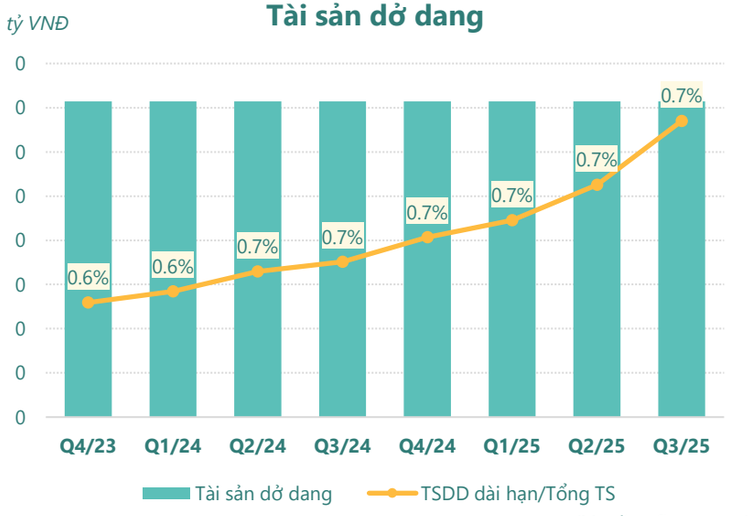
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



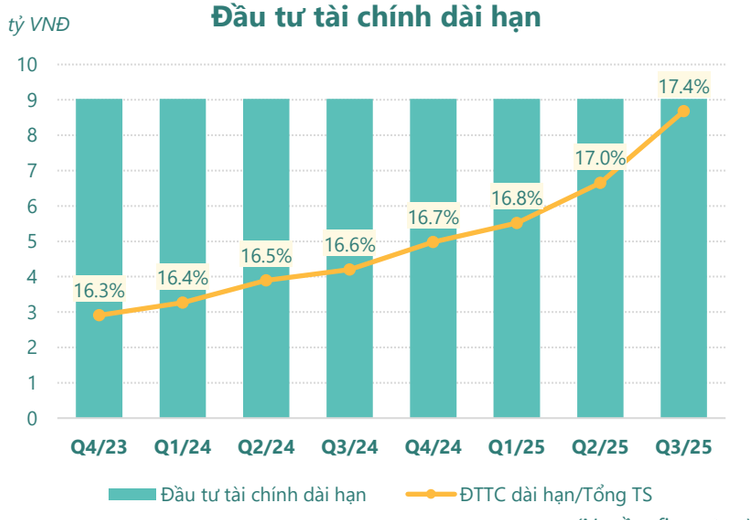
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



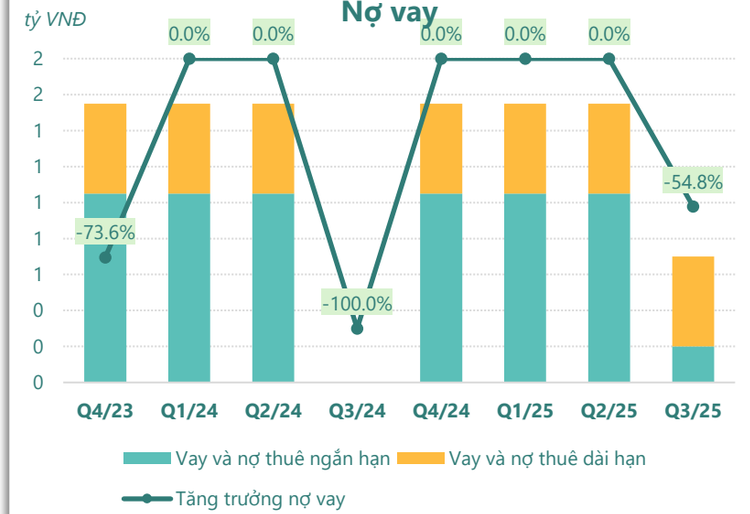
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

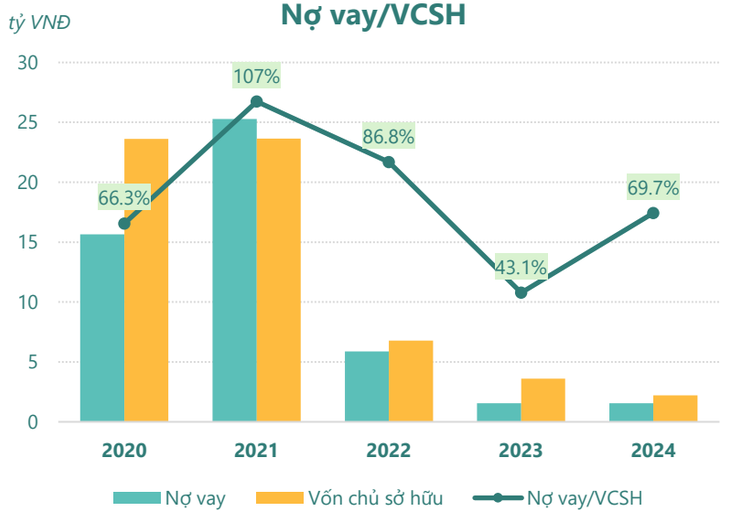
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



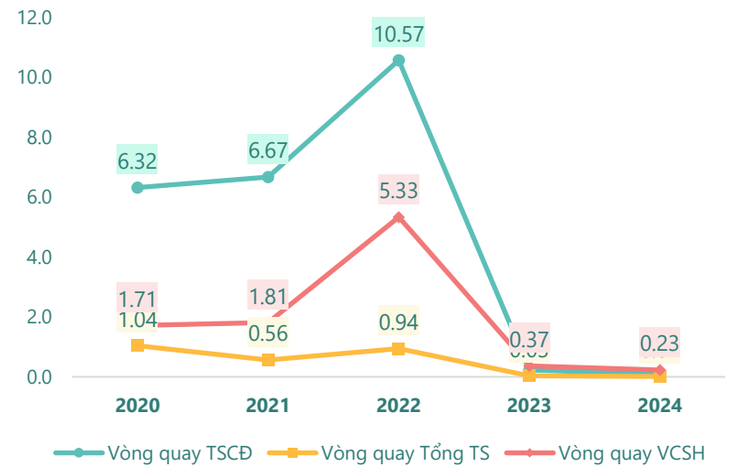
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



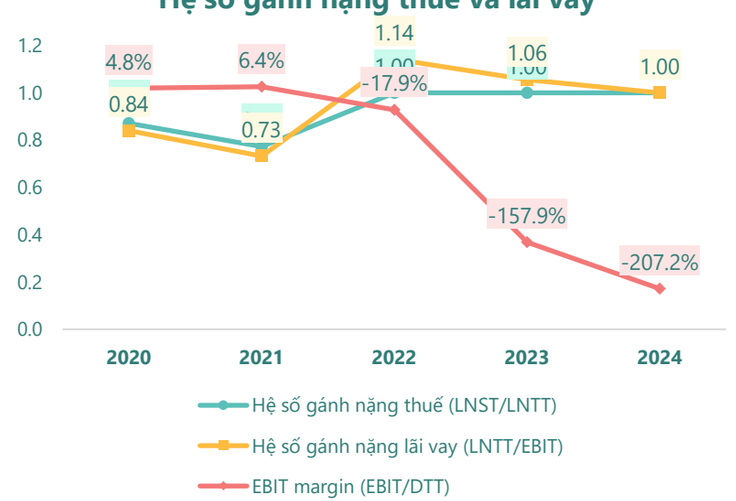
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



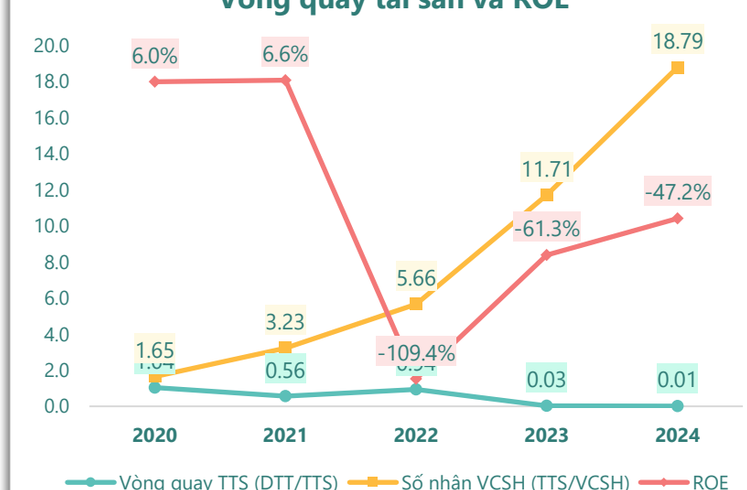
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



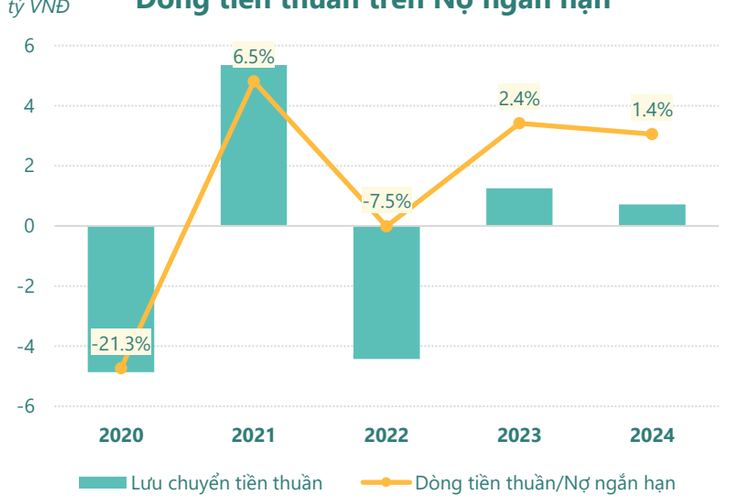
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.14**	**0.16**	**-10.1%**	**0.43**	**0.57**	**-25.8%**
Giá vốn hàng bán	0.01	0.08	-87.6%	0.05	0.21	-74.7%
Lợi nhuận gộp	0.13	0.09	48.7%	0.37	0.36	3.2%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.03	26.3%	0.12	0.11	13.6%
Chi phí TC	0.00	-0.05	100%	0.00	0.00	60.1%
Chi phí lãi vay	0	-0.05	100%	0	0.00	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.31**	**0.41**	**-23.9%**	**1.68**	**1.41**	**18.9%**
LN thuần từ HĐKD	-0.14	-0.24	41.5%	-1.19	-0.95	-25.4%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**0.00**		**-0.04**	**-0.01**	**-508%**
LN trước thuế	-0.18	-0.25	26.9%	-1.23	-0.95	-28.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.18**	**-0.25**	**26.9%**	**-1.23**	**-0.95**	**-28.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.18**	**-0.25**	**26.9%**	**-1.23**	**-0.95**	**-28.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.88	0.41	0.82	-0.17	-0.67	-0.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.54	-0.33	0.08	-0.98	-0.02	1.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	-0.85
Tiền đầu kỳ	2.43	2.09	2.17	3.07	1.93	1.24
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.34**	**0.08**	**0.91**	**-1.15**	**-0.69**	**-0.11**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.09	2.17	3.07	1.93	1.24	1.13

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**52.0**	**54.1**	**-3.8%**
Tài sản ngắn hạn	36.2	37.8	-4.1%
Tiền và tương đương tiền	1.13	3.07	-63.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.35	3.15	6.3%
Phải thu ngắn hạn	18.7	18.5	1.0%
Hàng tồn kho	13.0	13.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	0.03	-10.1%
Tài sản dài hạn	**15.8**	**16.3**	**-3.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	6.40	6.90	-7.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.36	0.36	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.03	9.03	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.00**	**0.01**	**-99.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51.0	51.8	-1.6%
Nợ ngắn hạn	**50.4**	**51.2**	**-1.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.20	1.05	-81.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	10.0	0.1%
Nợ dài hạn	0.62	0.62	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1.00**	**2.22**	**-55.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1.00**	**2.22**	**-55.2%**
Vốn điều lệ	21.6	21.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)